

THÔNG BÁO

**Ý kiến kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung - Chủ tịch
Hội đồng thẩm định đối với quy hoạch phát triển hành lang kinh tế
Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài**

Thực hiện quyết định số 595/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển hành lang Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài. Ngày 09 tháng 7 năm 2013, tại phòng họp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định đã tiến hành họp thẩm định quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài. Sau khi nghe đơn vị tư vấn lập quy hoạch (Viện Chiến lược phát triển) trình bày báo cáo quy hoạch; ý kiến phản biện đối với báo cáo quy hoạch; ý kiến của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (Vụ Quản lý quy hoạch); các thành viên Hội đồng thẩm định đã tham gia ý kiến và đánh giá biểu quyết đối với quy hoạch. Tổng hợp ý kiến và phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng thẩm định, ý kiến của các cá nhân phản biện; Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung - Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận đối với báo cáo quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đến năm 2020 như sau:

1. Về căn cứ và nội dung quy hoạch

Yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy hoạch tiếp thu ý kiến và hoàn thiện báo cáo quy hoạch với các nội dung sau:

1.1. Về tên báo cáo quy hoạch

Đề nghị thống nhất tên gọi là “Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài”.

1.2. Các căn cứ lập quy hoạch:

Rà soát bổ sung các căn cứ: Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Nghị Quyết số 63/NQ-CP

ngày 23/12/2009 về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 2223/QĐ-TTg ngày 13/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển KT - XH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển Giao thông Vận tải Hàng không giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch GTVT đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch GTVT đường sắt đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 các vùng: Đồng bằng Sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

1.3. Về nội dung quy hoạch

1.3.1. Về các yếu tố, điều kiện hình thành và thực trạng phát triển của tuyến hành lang kinh tế: điều chỉnh và bổ sung một số nội dung:

- Bổ sung đánh giá tổng hợp các yếu tố về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội; đánh giá toàn diện các hoạt động kinh tế trên tuyến hành lang; đồng thời phân tích những thuận lợi, khó khăn, những tác động ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của tuyến hành lang kinh tế.

- Về lĩnh vực dịch vụ: Bổ sung số liệu hiện trạng phát triển du lịch của các tỉnh thuộc tuyến hành lang là Lạng Sơn, Bắc Giang và Bắc Ninh.

- Lĩnh vực tài nguyên & môi trường: Bổ sung đánh giá về thực trạng phát triển và hiện trạng sử dụng đất các công trình hạ tầng, đô thị, thương mại, dịch vụ, khu kinh tế, khu công nghiệp...có ý nghĩa động lực phát triển trên tuyến hành lang kinh tế, làm cơ sở cho việc đề xuất hoàn chỉnh quy hoạch phát triển hành

lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài.

- Thực trạng kết cấu hạ tầng:

+ Về giao thông đường bộ: Đề nghị đánh giá bổ sung kết quả đầu tư đường ven biển, các đoạn đường bộ cao tốc đã hoàn thành, các tuyến đường bộ quốc lộ quan trọng kết nối như QL: 5,6,8,9,19,24,25,26; nhận định lại hiện trạng đường QL1, cập nhật lại số liệu về vận tải.

+ Về thực trạng các sân bay gắn với tuyến hành lang: Đề nghị đánh giá bổ sung về quy mô, cơ cấu, khả năng đáp ứng về nhu cầu vận tải.

+ Đánh giá bổ sung thực trạng và vai trò của hệ thống giao thông đường thủy nội địa trong việc tham gia vận tải đối với hành lang kinh tế.

+ Đánh giá vai trò kinh tế của tuyến hành lang: Đánh giá bổ sung chất lượng và khả năng đóng góp của tuyến hành lang vào GDP hiện nay, đánh giá mức độ tương xứng giữa tiềm năng phát triển của tuyến hành lang và mục tiêu đạt được tới năm 2020 (quy mô toàn tuyến là 70-80 tỷ USD chiếm 27-28% GDP của toàn quốc - trang 53).

1.3.2. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển: Điều chỉnh và bổ sung một số nội dung:

a) Quan điểm phát triển: Ngoài các quan điểm đã đề cập trong báo cáo, cần khẳng định rõ quan điểm của Việt Nam về đa dạng hóa, đa phương hóa các nguồn lực, các đối tác đầu tư.

b) Về mục tiêu phát triển: Cần khẳng định rõ mục tiêu của Quy hoạch hành lang Lạng Sơn - Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài là phục vụ giao thương, phát triển kinh tế - xã hội.

- Theo dự thảo báo cáo quy hoạch (trang 53) hiện nay tuyến hành lang chiếm 36% dân số đô thị, 28% số khu công nghiệp, 80% khu kinh tế ven biển, 70% sân bay, đến năm 2020 chiếm 65-70% quy mô dân số đô thị tăng thêm trong cả nước. Tuy nhiên quy mô kinh tế toàn tuyến chỉ chiếm khoảng 27-28% tổng GDP quốc gia, cần tính toán để có định hướng phát triển phù hợp.

- Xem xét lại số liệu tại trang 55 của dự thảo Quy hoạch cho phù hợp với Quyết định số 2473/QĐ-TTg là: số lượng khách quốc tế đến Việt Nam sẽ đạt 7 - 7,5 triệu lượt vào năm 2015 và 10 - 10,5 triệu lượt vào năm 2020; số lượng khách nội địa sẽ đạt 36 - 37 triệu lượt vào năm 2015 và 47- 48 triệu lượt vào năm 2020; tổng thu từ khách du lịch năm 2015 sẽ đạt 10-11 tỷ USD và 18-19 tỷ USD vào năm 2020.

c) Về định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực:

- Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Bổ sung định hướng phát triển hệ thống giao thông đường thủy nội địa; bổ sung hoàn thiện báo cáo quy

hoạch theo ý kiến tham gia của Bộ GTVT tại văn bản số 5694/BGTVT-KHĐT ngày 18/6/2013.

- Định hướng phát triển đô thị:

+ Phát triển hành lang kinh tế theo định hướng quy hoạch phải tính đến các khu đô thị mới, ngoài các khu đô thị như hiện nay (*Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh*) cần xem xét để định hướng phát triển đô thị Lạng Sơn, đô thị Mộc Bài là điểm đầu và điểm cuối của tuyến hành lang.

+ Bổ sung các đánh giá, định hướng phân tích tác động ảnh hưởng của quá trình hình thành phát triển của hành lang kinh tế đến việc hình thành phát triển các trung tâm kinh tế, mạng lưới đô thị, tỷ lệ, tốc độ đô thị hóa, các định hướng chuyển dịch cơ cấu phát triển theo các tuyến và vùng lãnh thổ.

+ Lựa chọn đô thị hạt nhân: đề án mới nêu được ưu thế của các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Vinh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang để lựa chọn làm đô thị trung tâm hạt nhân của tuyến. Đề nghị đánh giá bổ sung vai trò của các đô thị trung tâm và khả năng kết nối, hỗ trợ các thành phố trên toàn tuyến.

- Định hướng phát triển các khu kinh tế ven biển và KCN: Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với Nghị quyết số 470/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 27/02/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 02/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về định hướng phát triển du lịch:

+ Bổ sung các Trung tâm tổng hợp đa sản phẩm du lịch biển tầm quốc gia và quốc tế đối với Cửa Lò - Kim Liên (Nghệ An); Thiên Cầm - Xuân Thành (Hà Tĩnh); Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình); thành phố Đà Nẵng.

+ Rà soát số lượng cơ sở lưu trú và số lao động trực tiếp đến năm 2020 vì dự kiến cả nước sẽ đạt 23.200 cơ sở lưu trú với tổng số 580.000 buồng; số lao động trực tiếp là 870.000 người (trong dự thảo Quy hoạch - trang 100 thì các số liệu này là 25.000 cơ sở và 500.000 buồng; 800.000 người sẽ cao hơn cả nước hoặc gần bằng cả nước là không phù hợp).

+ Bổ sung mục sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là "*Du lịch văn hóa gắn với nền văn minh lúa nước sông Hồng, du lịch lễ hội tâm linh, biển đảo, du lịch quá cảnh và vui chơi giải trí cao cấp*"; vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là "*Du lịch cửa khẩu*"; vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là "*Du lịch MICE, du lịch mua sắm và du lịch cửa khẩu*".

+ Xem xét chỉnh sửa số liệu tại Bảng 44, trang 101 dự thảo Quy hoạch cho phù hợp với mục tiêu phát triển du lịch (trang 55). Xem lại số lượng và ngày lưu trú của khách quốc tế và khách nội địa đến du lịch trên địa bàn tuyến hành

lang so với trung bình cả nước (ngày lưu trú trung bình của khách du lịch nội địa quá cao so với trung bình cả nước từ 1,4-2,6 ngày).

- Về Thông tin và truyền thông: Nghiên cứu phương án và giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống thông tin truyền thông trên biển và đề nghị tiếp thu ý kiến góp ý của của Bộ Thông tin và Truyền thông tại công văn số 1446/ BTXXX-VCL ngày 8/6/2012, văn bản số 1486/BTXXX-VCL ngày 24 tháng 5 năm 2013.

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

+ Đánh giá bổ sung và làm rõ đặc điểm khí tượng thủy văn; các tác động của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động kinh tế- xã hội, các lĩnh vực tài nguyên nước, nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, du lịch và các đô thị, khu dân cư, khu kinh tế... thuộc khu vực quy hoạch.

+ Xác định rõ nhu cầu sử dụng đất cho các công trình, dự án trên tuyến hành lang kinh tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) cấp quốc gia và các địa phương nằm trong phạm vi tuyến hành lang kinh tế.

+ Xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: biên tập lại theo nội dung Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia và Nghị quyết của BCH trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Về lĩnh vực quốc phòng an ninh:

+ Bổ sung nội dung: “Phải có quy định chặt chẽ nhằm kiểm soát không cho nhập khẩu các loại rác thải công nghiệp hoặc vận chuyển rác thải công nghiệp độc hại qua hàng lang trong lãnh thổ Việt Nam để hạn chế, loại trừ việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu”;

+ Bổ nội dung “ miễn visa lẫn nhau ở các nước trên tuyến...trong khu vực” vì giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể cải tiến thủ tục, trình tự cấp visa nhanh gọn, không thể miễn thị thực làm thất thu cho ngân sách Nhà nước.

+ Bổ sung nội dung về xây dựng hệ thống mạng thông tin, trung tâm xử lý thông tin về dự báo sự cố và thảm họa thiên tai có thể xảy ra vào mục An ninh an toàn, cứu hộ cứu nạn trên tuyến hành lang. Bổ sung nội dung đảm bảo an ninh tuyến hàng lang kinh tế, chống hoạt động xâm nhập phá hoại của bọn phản động lưu vong, hoạt động của các cơ quan đặc biệt nước ngoài và các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để hoạt động chống phá Việt Nam.

- Về chương trình, dự án đầu tư:

+ Cập nhật các dự án đầu tư trọng điểm của các vùng, địa phương trên tuyến hành lang vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư; trong đó lưu ý các dự án có quy mô liên tỉnh dọc tuyến hành lang thuộc các chương trình mục tiêu và mục tiêu quốc gia như hệ thống thủy lợi, đê sông, hạ tầng nuôi thủy sản, công

trình cấp nước sạch; hạ tầng giao thông, đô thị..... Cập nhật và điều chỉnh tên các dự án, tiến độ xây dựng phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan.

+ Bổ sung các dự án phòng tránh thiên tai ven biển miền Trung, để ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần phát triển ổn định chung trên tuyến hành lang kinh tế.

+ Phân kỳ, và phân cấp thực hiện các dự án có trong danh mục dự án. Trong đó chỉ rõ các dự án do Trung ương đầu tư, dự án do các tỉnh, thành phố trên tuyến hành lang đầu tư.

1.3.3. Về giải pháp đảm bảo sự phát triển của tuyến hành lang:

- Bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực để đầu tư phát triển tuyến hành lang. Bổ sung giải pháp đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao.

- Bổ sung giải pháp khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong việc nghiên cứu, đổi mới công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào các ngành, nghề sản xuất và dịch vụ tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển, cảng ICD.

- Bổ sung giải pháp về đảm bảo an ninh quốc phòng; bổ sung nhóm giải pháp về ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ; bổ sung giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khí thải do các phương tiện tham gia trên tuyến hành lang làm ô nhiễm môi trường sống.

- Bổ sung phân công nhiệm vụ đối với các Bộ, ngành và các địa phương trên tuyến hành lang, đặc biệt là vai trò của các tỉnh, thành phố ở 2 đầu tuyến hành lang là Lạng Sơn và Tây Ninh; đồng thời đề xuất cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

- Bổ sung Chương trình hành động: “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp du lịch giữa các nước trong tuyến hành lang kinh tế nhằm mang lại hiệu quả cao” và “xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về thủ tục pháp lý, thông tin du lịch, quảng bá sản phẩm du lịch”.

- Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội của tuyến hành lang kinh tế; xác định khả năng đạt được mục tiêu của đề án. Đồng thời xác định rõ nguồn vốn đầu tư (trung ương, địa phương, vốn huy động hợp pháp khác).

1.3.4. Một số nội dung khác: Rà soát các lỗi chính tả, tên địa danh, đề mục, font chữ và bổ sung trích dẫn nguồn số liệu trong báo cáo.

2. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch (Viện Chiến lược phát triển) có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện báo cáo quy hoạch theo nội dung kết luận tại mục 1 văn bản này và ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương; ý kiến của

các chuyên gia phản biện, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định tại buổi họp, gửi Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (Vụ Quản lý quy hoạch) trước ngày 16/8/2013.

b) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định để hoàn thiện quy hoạch (gửi đồng thời với báo cáo quy hoạch sau khi đã được hoàn thiện).

c) Dự thảo tờ trình, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển hành lang kinh tế, gửi Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định trước ngày 10/8/2013.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (Vụ Quản lý quy hoạch) có trách nhiệm:

a) Đôn đốc đơn vị tư vấn lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch và các văn bản có liên quan theo nội dung mục 2 văn bản này.

b) Gửi báo cáo quy hoạch đã được hoàn thiện xin ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện.

b) Hoàn thiện: Báo cáo kết quả thẩm định, Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch, trình Chủ tịch Hội đồng xem xét trước khi trình Bộ trưởng.

Trên đây là ý kiến kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đối với quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đến năm 2020. Yêu cầu các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung (b/c);
- Thành viên HĐTĐ;
- UBND các tỉnh, thành phố liên quan;
- Viện CLPT;
- Lưu: VT, QLQH. T₅₀

TL. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ QUY HOẠCH
Vũ Quang Các

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1177/SY-UBND

Bình Định, ngày 31 tháng 7 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT, TC, XD, GTVT, NN&PTNT, TN&MT, VH TT&DL;
- Lãnh đạo VP, K19;
- Lưu: VT (18b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận